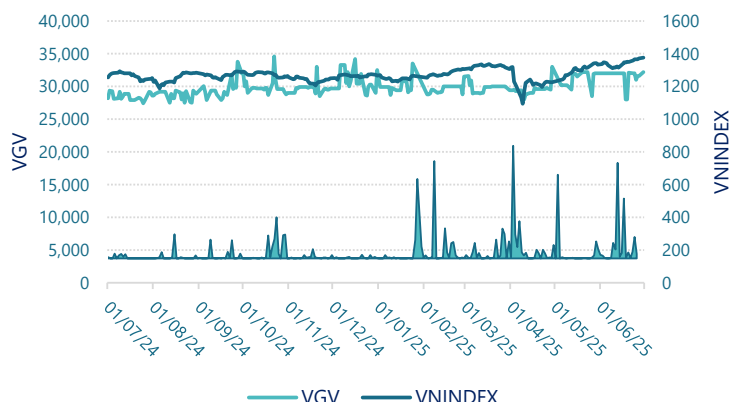


Tổng công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (UPCOM: VGV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	32,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,421
SL cổ phiếu LH	35,774,448
KLGD BQ 20 phiên (CP)	325
% sở hữu nước ngoài	6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,152
P/E	27.8
EPS	1,157

DT thuần

Q2/25

241

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 64.0 | 36.0%

YoY: ▲ 111 | 85.2%

LN sau thuế

Q2/25

15.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.15 | 81.4%

YoY: ▲ 4.30 | 36.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

8.1%

+/- YoY: ▼ 2.8%

DT thuần

6T 2025

418

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 146 | 53.6%

LN sau thuế

6T 2025

24.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.50 | -2.0%

ROE

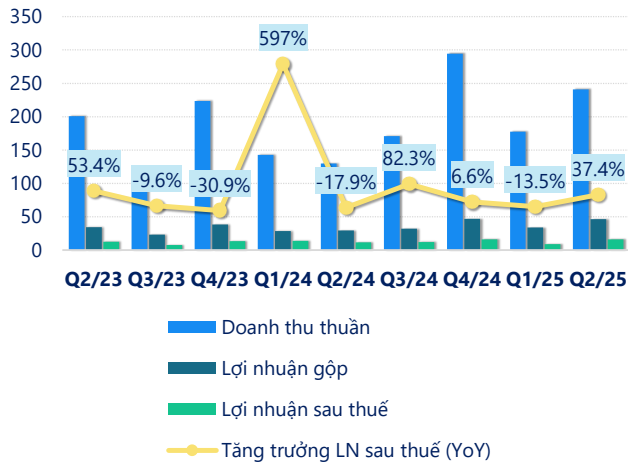
Q2/25

9.0%

+/- YoY: ▲ 0.4%

tỷ VNĐ

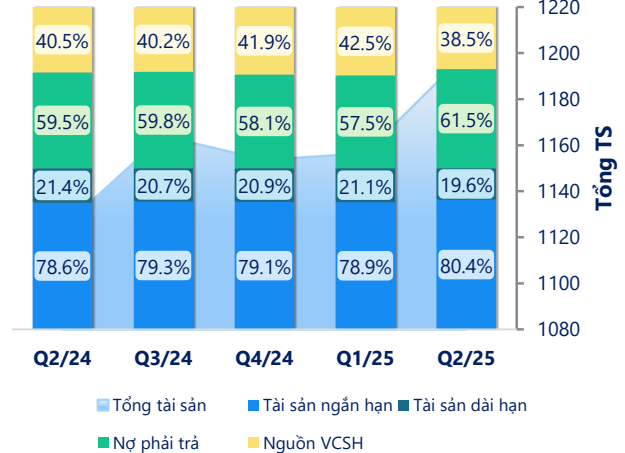
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

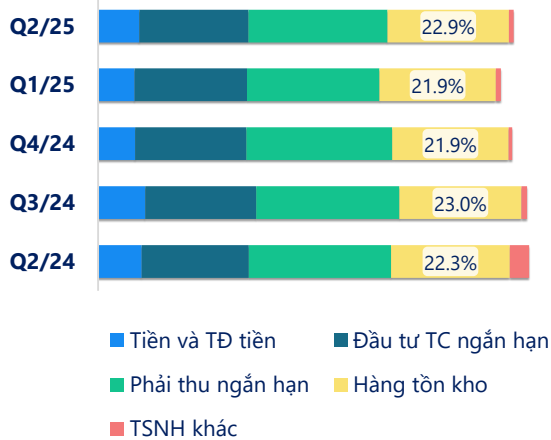
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



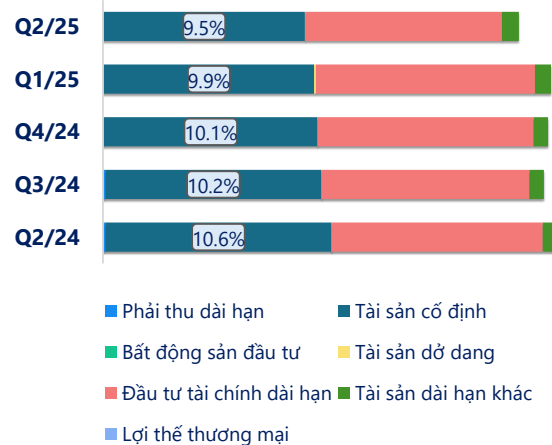
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

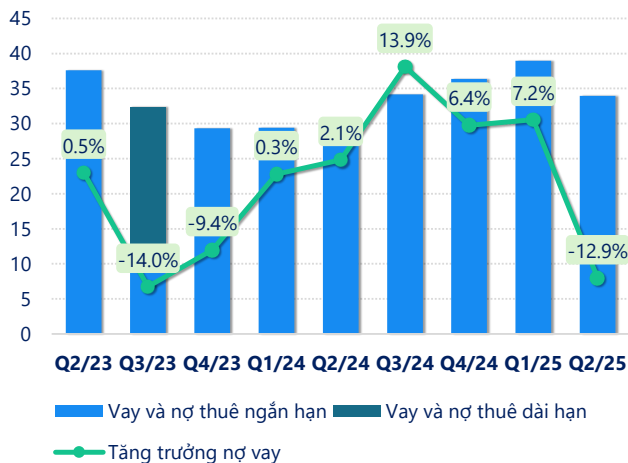
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

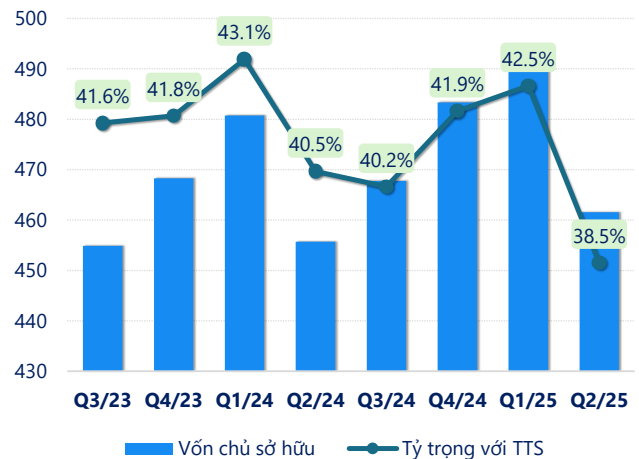
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

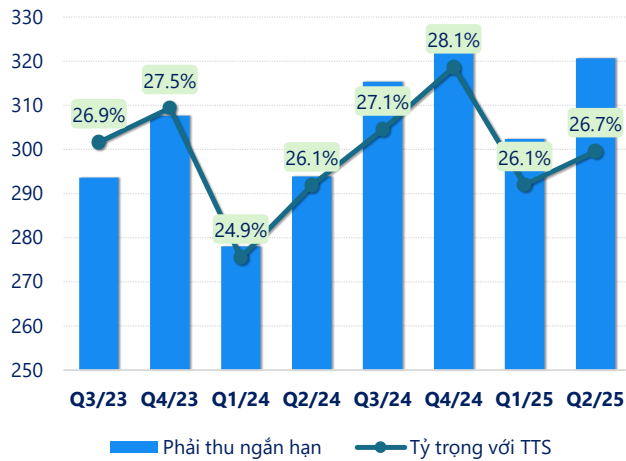
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

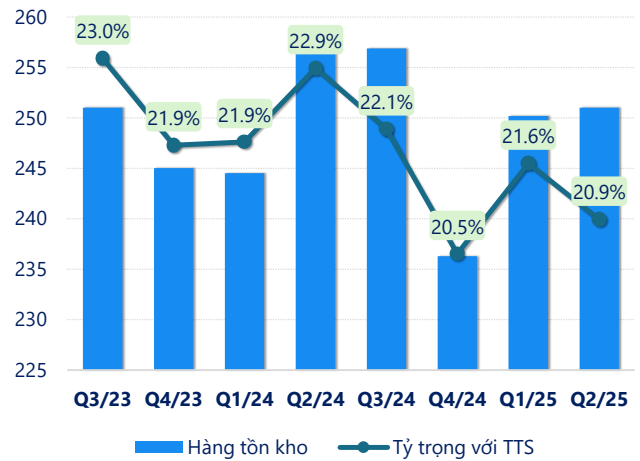
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

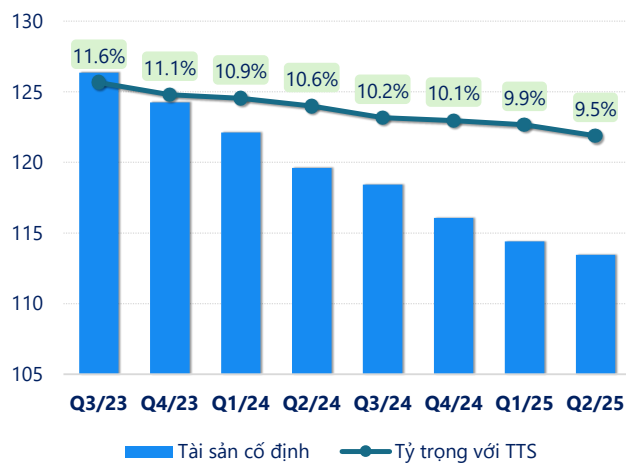
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

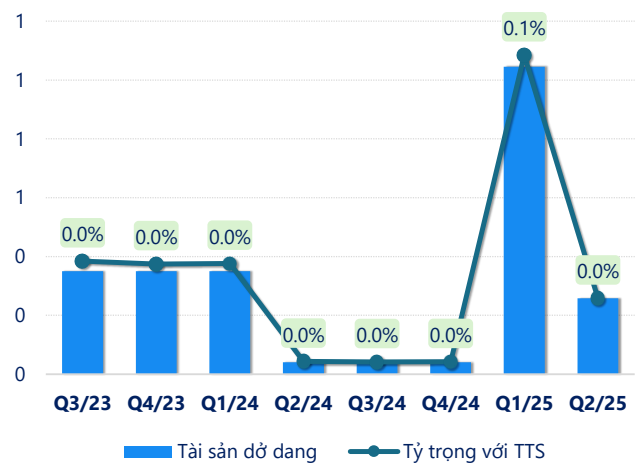
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

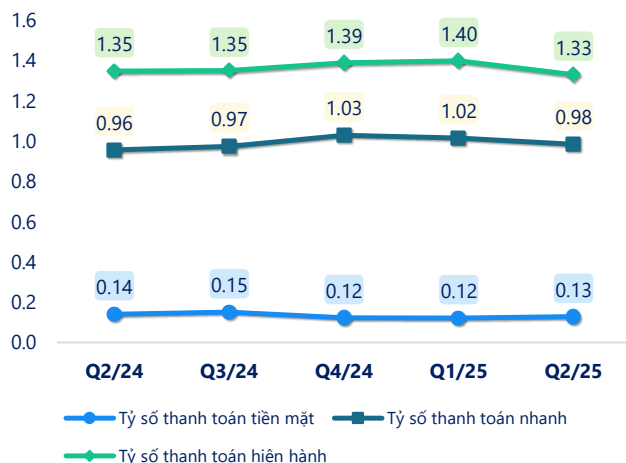
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



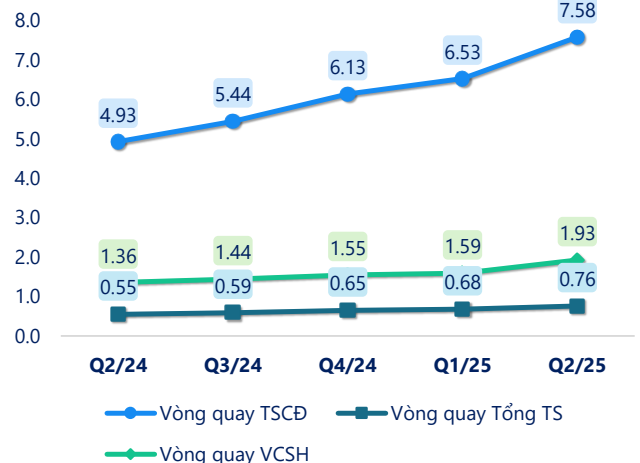
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,124	1,164	1,154	1,156	1,200
Tài sản ngắn hạn	884	923	912	913	965
Tiền và tương đương tiền	92.2	103	80.2	79.2	93.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	231	238	265	273	292
Phải thu ngắn hạn	294	315	325	302	321
Hàng tồn kho	257	257	236	250	251
Tài sản ngắn hạn khác	9.93	9.64	5.74	7.58	8.52
Tài sản dài hạn	241	241	241	244	235
Phải thu dài hạn	1.22	1.22	0.41	0.41	0.41
Tài sản cố định	120	118	116	114	113
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.04	0.04	0.04	1.04	0.26
Đầu tư tài chính dài hạn	112	114	117	119	111
Tài sản dài hạn khác	8.05	8.06	7.84	8.81	9.55
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	669	696	670	665	738
Nợ ngắn hạn	655	683	657	652	725
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.0	34.2	36.4	39.0	33.9
Phải trả người bán ngắn hạn	26.4	28.4	41.5	28.6	27.3
Nợ dài hạn	13.4	13.3	13.4	13.0	13.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	456	468	484	491	462
Vốn chủ sở hữu	456	468	483	491	462
Vốn điều lệ	358	358	358	358	358
Kinh phí và quỹ khác	0.03	0.03	0.26	0.03	0.03

(Nguồn: fireant.vn)